

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Bích H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp PT, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp PT, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 7 năm 2022, chị Cao Thị Bích H trình bày: Vào năm 2005, chị và anh Bùi Văn T tự tìm hiểu nhau và sống chung với nhau. Đến năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến năm 2020 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân do anh T ăn nhậu, say xỉn, không lo làm ăn, chỉ một mình chị gánh vác gia đình lo cho con, nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không thể nào hàn gắn tình cảm được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh T chung sống có 02 con chung Bùi Văn Thanh E, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2007 và Bùi Thị Q, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2011, nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về chia tài sản chung: Chị và anh T chung sống không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Bùi Văn T, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 03 tháng 10 năm 2022, cháu Bùi Văn Thanh E trình bày: Ba mẹ ly hôn con ở với mẹ.

Tại bản khai ngày 03 tháng 10 năm 2022, cháu Bùi Thị Q trình bày: Ba mẹ ly hôn con sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Cao Thị Bích H được ly hôn với bị đơn anh Bùi Văn T; về con chung: Giao Bùi Văn Thanh E, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2007 và Bùi Thị Q, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2011 cho chị Cao Thị Bích H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: chị H trình bày không có, còn anh T không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Cao Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Cao Thị Bích H và anh Bùi Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị Bích H đối với anh Bùi Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị H thì cuộc sống của chị và anh Dũng không còn hạnh phúc từ năm 2020, do anh T ăn nhậu, say xỉn, không lo làm ăn, chỉ một mình chị gánh vác gia đình lo cho con, nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nên vợ chồng đã không còn sống chung từ đó cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị H đối với anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T.

[4] Về việc nuôi con: Chị Cao Thị Bích H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Văn Thanh E, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2007 và Bùi Thị Q, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2011, không yêu cầu anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, 02 con chung từ khi chị H, anh T không còn sống chung và hiện nay đều do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, 02 cháu cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ và để ổn định việc sinh hoạt của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh T

không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Cao Thị Bích H cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Bùi Văn T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Bích H, cho ly hôn giữa chị Cao Thị Bích H và anh Bùi Văn T.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Cao Thị Bích H được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Văn Thanh E, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2007 và Bùi Thị Q, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2011.

2.2. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị Bích H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004063 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng